

Bản án số: 91/2023/HS-PT

Ngày: 08-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mên

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Ông Nguyễn Văn Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 98/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Trần Văn T**, sinh ngày 01/01/1962, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (chết) và bà Bằng Thị S (chết); bị cáo có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 14/02/2023 đến ngày 20/02/2023 chuyển sang tạm giam. Sau đó, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

2/ **Võ Chí H**, sinh ngày 10/10/1964, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N (chết) và bà Trần Thị H (chết); bị cáo có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 20/02/2023 chuyển sang tạm giam, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

3/ Cao Văn U', sinh ngày 10/5/1970, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); bị cáo có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt quả tang vào ngày 14/02/2023, bị khởi tố vào ngày 31/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn U': Luật sư Nguyễn Truyền T – Văn phòng luật sư Truyền Thông, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

4/ Cao Văn M, sinh ngày 10/5/1984, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); bị cáo có vợ và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2023, đến ngày 20/02/2023 chuyển sang tạm giam, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

5/ Lý Văn Th, sinh ngày 01/01/1968, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H, sinh năm 1946 và bà Cao Thị K (chết); bị cáo có vợ và 01 con; tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/HSST, ngày 08/6/2005 chưa xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: xấu; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 20/02/2023 chuyển tạm giam, sau đó, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

6/ Lâm Văn K, sinh ngày 01/01/1982, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Công C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 20/02/2023 chuyển tạm giam, sau đó, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn K: Luật sư Nguyễn Văn Út E – Văn phòng luật sư Giang Minh C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

7/ Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1958, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (chết) và bà Huỳnh Thị L (chết); bị cáo có vợ và có 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Vào ngày 04/4/2017, có hành vi đánh bạc bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số:

72/QĐ-XPVPHC ngày 04/4/2017; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 20/02/2023 chuyển tạm giam, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 08/3/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Luật sư Nguyễn Truyền T – Văn phòng luật sư Truyền Thống, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Châu Thị M nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 14/02/2023, Công an huyện C nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà bị cáo Cao Văn U', tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh có các đối tượng đang tụ tập đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài xập xám cá cược thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Công an huyện C tiến hành kiểm tra và phát hiện tại địa điểm nêu trên, các đối tượng đang tham gia đánh bạc gồm: Bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Cao Văn M, bị cáo Võ Chí H, bị cáo Lý Văn Th và bị cáo Lâm Văn K. Qua quá trình làm việc và xác minh các đối tượng đã thừa nhận hành vi đánh bạc như sau:

1. Bị cáo Trần Văn T hùn tụ với bị cáo Nguyễn Văn D để đánh bạc, nhưng bị cáo D chưa đưa số tiền hùn cho bị cáo T. Còn bị cáo T sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc và trực tiếp ngồi tụ. Khi tham gia đánh bạc bị cáo T có bàn thắng, bàn thua. Kết quả khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bị cáo T thắng số tiền 350.000 đồng. Tạm giữ số tiền của bị cáo T là 3.350.000 đồng.

2. Bị cáo Cao Văn M sử dụng số tiền 2.510.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc có bàn thắng, bàn thua, kết quả khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bị cáo M thắng số tiền 150.000 đồng. Tạm giữ số tiền của bị cáo M 2.660.000 đồng.

3. Bị cáo Võ Chí H sử dụng số tiền 3.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc có bàn thắng, bàn thua, kết quả khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bị cáo H thua số tiền 150.000 đồng. Tạm giữ số tiền của bị cáo H 2.850.000 đồng.

4. Bị cáo Lý Văn Th và bị cáo Lâm Văn K hùn nhau với số tiền mỗi bị cáo là 1.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Th là người trực tiếp ngồi tụ và quản lý tiền dùng để đánh bạc của hai bị cáo. Khi tham gia có bàn thắng, bàn thua. Kết quả khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bị cáo thua với số tiền là 250.000 đồng và đặt tiền xâu vào lon sữa số tiền 20.000 đồng. Tạm giữ số tiền đánh bạc của bị cáo Th là 1.730.000 đồng.

5. Bị cáo Nguyễn Văn D tham gia hùn tụ với bị cáo Trần Văn T với số tiền là 1.740.000 đồng, nhưng bị cáo chưa đưa tiền cho bị cáo T, bị cáo ngồi gần bị cáo T cùng tham gia xem bài cho đến khi lực lượng Công an đến kiểm tra. Tạm giữ số tiền hùn tụ tham gia đánh bạc là 1.740.000 đồng.

6. Bị cáo Lâm Văn K dùng số tiền 1.000.000 đồng hùn với bị cáo Lý Văn Th, số tiền hùn bị cáo đã đưa cho bị cáo Th để quản lý và sử dụng đánh bạc. Nhưng bị cáo không ngồi tụ mà ngồi gần bị cáo Th để cùng tham gia xem bài cho đến khi lực lượng Công an đến kiểm tra nên không có tạm giữ số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo K.

7. Bị cáo Cao Văn U có hành vi dùng điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, có gắn sim số 0336770626 của bị cáo để gọi cho các bị cáo Trần Văn T, bị cáo Lý Văn Th, bị cáo Võ Chí H và bị cáo Lâm Văn K đến nhà của bị cáo để đánh bạc. Đồng thời, bị cáo U cùng với bị cáo Châu Thị M sắp xếp và chọn vị trí ở nhà trước của bị cáo để cho các bị cáo nêu trên đánh bạc.

8. Bị cáo Châu Thị M có hành vi cung cấp các dụng cụ để đánh bạc gồm 10 bộ bài tây 52 lá và 01 vỏ lon sữa hiệu PLUSCERNA đã qua sử dụng để cho các bị cáo đặt tiền xâu và cùng với bị cáo Cao Văn U chọn vị trí ở nhà trước của bị cáo để cho các bị cáo nêu trên đánh bạc. Tạm giữ số tiền huê hồng trong lon sữa từ bị cáo M số tiền 80.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền của các bị cáo nêu trên sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền xâu là 12.410.000 (mười hai triệu bốn trăm mười nghìn) đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Võ Chí H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Võ Chí H số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Cao Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Cao Văn M số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Cao Văn U' 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Cao Văn U' số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Lâm Văn K số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lý Văn Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Lý Văn Th số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Châu Thị M, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2023 các bị cáo Trần Văn T, Cao Văn U', Nguyễn Văn D Lâm Văn K, Cao Văn M kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, là cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 12/9/2023, bị cáo Võ Chí H, Lý Văn Th kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, là cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U', Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên nay giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đối với bị cáo Trần Văn T ngoài được hưởng án treo còn xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết nào mới tại phiên tòa phúc thẩm.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U', Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật và đúng hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cũng như tình hình

đấu tranh phòng chống tội phạm đánh bạc hiện nay. Do đó mức hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Võ Chí H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Cao Văn M 01 (một) năm, bị cáo Cao Văn U' 01 (một) năm 03 (ba), bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, bị cáo Lâm Văn K 09 (chín) tháng tù, bị cáo Lý Văn Th 01 (một) năm tù và phạt bổ sung các bị cáo, riêng bị cáo Nguyễn Văn D là người cao tuổi bị bệnh nên không xử phạt bổ sung là đã đánh giá đúng tính chất vụ án. Tại phiên tòa phúc hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo đối với bị cáo Trần Văn T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo đối với Võ Chí H, Cao Văn U', Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D. Về phần án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm trong khi bị cáo T và bị cáo D là người trên 60 tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trường hợp này các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T, bị cáo D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm có phần ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hai bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về phần án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Văn D.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn K trình bày:* Bị cáo Lâm Văn K tham gia đánh bạc nên cấp sơ thẩm xét xử về tội danh và khung hình phạt là đúng quy định, tuy nhiên về hình phạt Tòa án cấp sơ xử phạt bị cáo K 09 tháng tù là quá nghiêm khắc, bởi vì trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, cha mới chết, mẹ bị bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Lâm Văn K được hưởng án treo.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D, Cao Văn U' trình bày:* Bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Cao Văn U' tham gia đánh bạc nên cấp sơ thẩm xét xử về tội danh và khung hình phạt là đúng quy định, tuy nhiên về hình phạt Tòa án cấp sơ xử phạt bị cáo D 09 tháng tù, bị cáo Cao Văn U' 01 năm 03 tháng tù là quá nghiêm khắc. Bởi vì trong quá trình điều tra các bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo Nguyễn Văn D đang bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự chấp nhận yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Cao Văn U cho hai bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D: Các bị cáo mong Hội đồng xét xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận: Vào khoảng 19 giờ ngày 14/02/2023 các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài xập xám được thắng thua bằng tiền tại nhà bị cáo Cao Văn U và bị cáo Châu Thị M bị bắt quả tang với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 12.410.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được và đủ cơ sở xác định lời khai của các bị cáo là khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Võ Chí H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Cao Văn M 01 (một) năm tù, bị cáo Cao Văn U 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, bị cáo Lâm Văn K 09 (chín) tháng tù, bị cáo Lý Văn Th 01 (một) năm tù và phạt bổ sung các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K là đã xem xét đánh giá một cách toàn diện, khách quan tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật, đáp ứng được yêu cầu trong phòng chống tội phạm và phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới, tuy nhiên các bị cáo phạm tội, trừ bị cáo Lý Văn Th các bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên số tiền các bị cáo đánh bạc 12.410.000 đồng, hành vi của các bị cáo thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, bởi vì số tiền thu tại chiếu bạc tương đối lớn so với thu nhập của người dân tại địa phương, số lượng người tham gia đánh bạc tương đối đông, đa dạng nhiều thành phần, các bị cáo phạm tội trong thời gian chính quyền nhân dân xã N cũng như huyện C thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn huyện C hiện nay rất phức tạp, theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự nếu có thể được hưởng án treo, tuy nhiên tính chất vụ án cũng như tình hình đấu tranh các loại tội phạm, do đó các bị cáo không được hưởng án treo. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với tình tiết cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn Th, Nguyễn Văn D, Cao Văn U là phù hợp với quy định pháp luật tuy nhiên do tính chất vụ án cũng như tình hình đấu tranh tội phạm nên Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về phần án phí hình sự sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm trong khi bị cáo T và bị cáo D khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử các bị cáo đã là người trên 60 tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trường hợp này các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm, do đó Hội đồng xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T, bị cáo D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm có phần ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hai bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử sửa phần án phí đối với bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về án phí.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Võ Chí H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Võ Chí H số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Cao Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Cao Văn M số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Cao Văn U 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Cao Văn U số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Lâm Văn K số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lý Văn Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Lý Văn Th số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Võ Chí H, Cao Văn U, Cao Văn M, Lý Văn Th, Lâm Văn K, phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm cho bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Văn D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không sửa đổi đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H. C;
- VKSND H. C;
- CA huyện C;
- CC THADS H. C;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến